

Bản án số: 12/2017/HNGĐ -ST
Ngày: 14 tháng 9 năm 2017
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T L - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Hiếu;
2. Bà Vũ Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T L - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T L, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T L, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1980;

Nơi ĐKKHKT: Phố C, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn L - sinh năm 1974;

Nơi ĐKKHKT: Phố C, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn L kết hôn với nhau năm 1998 trên cơ sở có tình cảm và hoàn toàn tự nguyện; đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Nghị, huyện T L. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và quá trình làm ăn kinh tế. Anh L tính tình gia trưởng, độc đoán, sống không chung thủy, chị đã nhiều

lần nhẫn nhịn vì các con, song anh L vẫn tiếp tục lừa dối và có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, khiến chị tổn thương, gia đình bất hòa, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Anh L không còn yêu thương và chăm lo cho vợ con, nên cuộc sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc. Năm 2014, chị đã làm đơn xin ly hôn với anh L, nhưng vì các con chị đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, đến năm 2015, anh L phạm tội “Giao cấu với trẻ em” và bị xử phạt 4 năm tù, hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam N H. Đến nay chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa; đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Thị Thùy L1 - sinh ngày 04/11/1999, cháu Trần Long N - sinh ngày 07/7/2007, cháu Trần Gia K - sinh ngày 04/01/2013; hiện nay cả ba cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi các cháu và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn Trần Văn L trình bày: Về trình tự, thủ tục kết hôn anh nhất trí như chị T đã trình bày. Nhưng anh xác định sau khi kết hôn, vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận đến năm 2015 anh bị đi tù về tội “Giao cấu với trẻ em”. Trong thời gian anh chấp hành hình phạt tù từ đó đến nay, chị T vẫn lên thăm nom anh bình thường. Đến khoảng tháng 12/2016, anh được gia đình thông báo chị T làm đơn xin ly hôn với anh, nhưng sau đó chị T vẫn lên thăm gặp anh. Đến tháng 3/2017, anh nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án số 23/TB - TLVA, ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T L. Anh L có quan điểm như sau: Anh sắp mãn hạn tù, lúc đó anh sẽ giải quyết vấn đề ly hôn của vợ chồng và các vấn đề khác.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung như chị T trình bày. Do vợ chồng chưa thống nhất được việc ly hôn, nên anh không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L. Giao ba con chung của anh L và chị T cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Về cấp

dưỡng nuôi con: Do chị T không có yêu cầu, nên đề nghị HĐXX không xem xét.
Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn là anh Trần Văn L hiện đang có hộ khẩu thường trú tại xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T L.

[2] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L là tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và quá trình làm ăn kinh tế. Anh L tính tình gia trưởng, độc đoán, sống không chung thủy, có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, khiến gia đình bất hòa, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Anh L không còn yêu thương và chăm lo cho vợ con, vợ chồng không còn tình cảm, nên cuộc sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc. Năm 2014, chị T đã làm đơn xin ly hôn với anh L, nhưng vì các con nên chị T đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, đến năm 2015, anh L phạm tội “Giao cấu với trẻ em” và bị xử phạt 4 năm tù. Trong thời gian anh L chấp hành án, chị T vẫn thăm gặp, nhưng anh L thường xuyên chửi bới chị, tình trạng vợ chồng ngày càng căng thẳng. Quá trình xác minh tại địa phương thấy rằng: Quá trình chung sống tại địa phương chị T và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong việc làm ăn kinh tế. Mặt khác, do anh L chơi bời, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, sau đó đánh đập vợ con. Việc chị T xin ly hôn anh L là đúng với thực tế mâu thuẫn của anh, chị và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với thực tế và Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 03 con chung là cháu Trần Thị Thùy L1 - sinh ngày 04/11/1999, cháu Trần Long N - sinh ngày 07/7/2007, cháu Trần Gia K - sinh ngày 04/01/2013. Hội đồng xét xử xét thấy: Các con chung của anh chị hiện đang sống ổn định cùng chị T; bản thân anh L đang chấp hành hình phạt tù, không đủ điều kiện được nuôi các cháu. Mặt khác, hai cháu lớn của

anh chị đều có nguyện vọng ở với chị T. Vì vậy, yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị T là phù hợp với thực tế và pháp luật, nên chấp nhận. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị T và anh L đều không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Thị Thùy L1 - sinh ngày 04/11/1999, Trần Long N - sinh ngày 07/7/2007, Trần Gia K - sinh ngày 04/01/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đồi trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T L theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04170 ngày 21/3/2017.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện T L;
- Chi cục THADS H. T L;
- UBND xã Thanh Nghị;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy